

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái

- Ông Nguyễn Văn Phiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**Chị Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Bùi Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tại UBND phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Sau khi cưới anh chị sinh sống và làm ăn ở Lạng Sơn một thời gian sau đó chuyển về xã Y, huyện N sinh sống. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M không chung thủy và vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. anh M có hành vi bạo lực gia đình đã đưa lên UBND xã Y làm bản kiểm điểm. Hiện tại anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh M, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Xuân M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là các cháu Nguyễn Bùi Minh T, sinh ngày 27/7/2012. Hiện cháu đang ở với chị Hương, nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Chị xác định chị và anh M có những tài sản chung như sau: 01 căn nhà mái bằng 2 tầng khép kín, xây trên đất là tài sản riêng của chị H tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Thửa 635 tờ bản đồ 04. Bản đồ địa chính xã Y giấy chứng nhận cấp ngày 20/10/2010 mang tên Bùi Thị Thanh Hương). Chị có nguyện vọng lấy toàn bộ nhà và thanh toán chênh lệch cho anh Minh.

Về công nợ chung: Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Anh Nguyễn Xuân M thể hiện tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án: Anh xác nhận thời điểm kết hôn và chung sống như chị H trình bày là đúng. Anh xác định lý do mâu thuẫn là do chị H thay đổi tình cảm với anh chứ không phải là do không hợp. Anh đi làm công trình, chị H bảo anh là đừng về do dịch bệnh. Nay chị H xin ly hôn với anh thì quan điểm của anh là không muốn, tuy nhiên nếu chị H có tình thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Minh T sinh ngày 27/7/2012. Hiện cháu đang ở với chị Hương. Anh yêu cầu chị H phải chứng minh được mức thu nhập hàng tháng. Nếu đủ điều kiện anh sẵn sàng để cô Hương nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh M sẽ tự nguyện. Nếu không anh xin nuôi cháu và yêu cầu cô Hương cấp dưỡng cháu mỗi tháng 2000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh xác định có 01 căn nhà mái bằng như chị H trình bày là tài sản chung. Nguồn gốc toàn bộ tiền do anh đứng lên xây dựng, thời điểm anh xây năm 2012 hết 530.000.000 đồng. Nay Hội đồng định giá là 394.074.432 đồng anh không có ý kiến về giá, tuy nhiên nếu chị H lấy nhà và đất thì chị H phải trả lại cho anh bằng cách thanh toán toàn bộ giá trị căn nhà cho anh là 394.074.432 đồng. Anh

bớt cho chị H 100.000.000 đồng, như vậy chị H phải thanh toán cho anh là 294.074.432 đồng.

Về công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Bùi Minh T tại bản tự khai ngày 20/6/2022: Cháu xin được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Ngày 23/02/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên các bên không thỏa thuận được việc giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Theo yêu cầu của Chị Bùi Thị Thanh H cũng như xét thấy cần thiết Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá đối với toàn bộ tài sản chung của chị H và anh M vào ngày 27/5/2022. Kết quả như sau:

- 01 căn nhà mái bằng 2 tầng khép kín diện tích xây dựng 149m². Tầng 1 gồm: Phòng khách, cầu thang, phòng ngủ, bếp và công trình vệ sinh khép kín. Tầng 2 gồm: 1 gian phòng thờ, 2 gian phòng ngủ và sân phơi. Mái tôn chống nắng toàn bộ tầng hai.
- Hệ thống cổng sắt, sân lát gạch lợp mái tôn

Toàn bộ tài sản trên được xây trên diện tích 201 m² đất tại thửa 635 tờ bản đồ 04. Bản đồ địa chính xã Y giấy chứng nhận cấp ngày 20/10/2010 mang tên Bùi Thị Thanh Hương (đây là tài sản riêng của chị Hương) tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Giá trị toàn bộ căn nhà trên được định giá là 394.074.432đ (Ba trăm chín mươi tư triệu không trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

Các đương sự nhất trí về giá do Hội đồng định giá đưa ra không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Minh, giải quyết về con chung, tài sản chung như quá trình giải quyết trước đây. Về chi phí thẩm định và định giá, chị đã tự đứng lên chi hết 3000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi, anh M phải chịu 1 nửa.

Tại phiên tòa: anh M nhất trí ly hôn với chị H, nhất trí cho chị H tiếp tục nuôi cháu Tiến, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung anh nhất trí cho chị H được sở hữu toàn bộ nhà như trên, anh đề nghị chị H thanh toán cho anh giá trị chênh lệch, anh nhận sẽ chịu hết chi phí thẩm định và định giá và đối trừ luôn vào số tiền chị H thanh toán chênh lệch cho anh.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền thụ lý: Bị đơn Anh Nguyễn Xuân M có nơi cư trú tại Thôn Y, xã Y, huyện N. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án giai đoạn sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết ly hôn, con chung, chia tài sản chung với Anh Nguyễn Xuân M, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung” là đúng quy định khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 33, Điều 56, Điều 58, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa Chị Bùi Thị Thanh H và Anh Nguyễn Xuân M.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Minh T, sinh ngày 27/7/2012 hiện đang ở cùng chị H cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được cuộc sống. anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật hàng tháng anh M không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H thì anh M còn phải chịu lãi xuất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Giao cho Chị Bùi Thị Thanh H được sở hữu toàn bộ tài sản chung là 01 căn nhà hai tầng khép kín diện tích xây dựng 149m² xây dựng trên

thửa đất số 635 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 349284 ngày 20/10/2010 mang tên Chị Bùi Thị Thanh H (là tài sản riêng của chị Hương) tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tầng 1: gồm cổng sắt, lán tôn, phòng khách cầu thang, buồng ngủ, vệ sinh, bếp, bể phốt, bể nước mưa, lán tôn, vườn + tường bao xung quanh. Tầng 2: gồm gian thờ, 02 buồng ngủ, 01 sân phơi lợp mái tôn, mái tôn chống nắng toàn bộ tầng 2 (xây dựng từ năm 2012). Tổng tài sản: 394.074.432 đồng.

Buộc chị H phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho anh M số tiền 197.037.216 đồng được trừ số tiền 3.000.000 đồng anh M nhận nộp cả chi phí thẩm định. Chị H còn phải thanh toán cho anh M tổng số tiền là 194.074.432 đồng.

4. Về án phí:

Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn Minh phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Về án phí chia tài sản: Chị H và anh M mỗi người phải chịu 9.851.860 đồng án phí chia tài sản. Chị H đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung, trả lại cho chị H số tiền 148.139 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn cư trú tại xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt, hai bên không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Cuộc sống vợ chồng của chị H và anh M thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần

chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng với anh Tuyên là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: chị H và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Minh T sinh ngày 27/7/2012. Nguyên vọng của chị H là được tiếp tục nuôi cháu Tiến chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị H khỏe mạnh, có thu nhập, mặt khác cháu Tiến đang ở với chị H và đang học ổn định tại xã Y và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu Tiến nên tiếp tục giao cháu Tiến cho chị H nuôi là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H có yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2500.000 đồng. anh M chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Tiến đang học cấp tiểu học, lại sinh sống tại xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình là xã thuộc vùng miền núi, vì vậy chi phí sinh hoạt ở mức độ thấp. Vì vậy, cần chấp nhận mức cấp dưỡng 2000.000đ/tháng như anh M đưa ra là phù hợp.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự có yêu cầu giải quyết và đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xác định chị H và anh M có những tài sản chung như sau:

- 01 căn nhà mái bằng 2 tầng khép kín diện tích xây dựng 149m². Tầng 1 gồm: Phòng khách, cầu thang, phòng ngủ, bếp và công trình vệ sinh khép kín. Tầng 2 gồm: 1 gian phòng thờ, 2 gian phòng ngủ và sân phơi. Mái tôn chống nắng toàn bộ tầng hai.
- Hệ thống cổng sắt, sân lát gạch lợp mái tôn

Toàn bộ tài sản trên được xây trên diện tích 201 m² đất tại thửa 635 tờ bản đồ 04. Bản đồ địa chính xã Y giấy chứng nhận cấp ngày 20/10/2010 mang tên Bùi Thị Thanh Hương (đây là tài sản riêng của chị Hương) tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Giá trị toàn bộ căn nhà trên được định giá là 394.074.432đ (Ba trăm chín mươi tư triệu không trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

Nguyên vọng của chị H xin sở hữu căn nhà trên vì đang xây trên đất của chị, chị sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho anh Minh. anh M cũng nhất trí cho chị H được sở hữu toàn bộ tài sản trên và thanh toán giá trị tài sản cho anh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ căn nhà làm trên diện tích đất là tài sản riêng của chị Hương, hiện nay mẹ con chị Hằng sinh sống. Mặt khác các bên thống nhất về cách phân chia không có tranh chấp, vì vậy nguyện vọng của chị H là có căn cứ đảm bảo quyền lợi cho các bên cần chấp nhận. Như vậy chị H phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho anh M là 197.037.216 đồng.

[2.5]. Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.6]. Về chi phí thẩm định và án phí:

- Về chi phí thẩm định: anh M đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định mà chị H đã tự chi hết 3000.000 đồng. Anh đề nghị đối trừ vào số tiền chị H phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh. Xét đây là sự tự nguyện của anh M cần chấp nhận.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: anh M phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Về án phí chia tài sản chung: chị H và anh M phải chịu trên phần giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 33, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị Thanh H. Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị Thanh H và Anh Nguyễn Xuân M.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Minh T sinh ngày 27/7/2012. Hiện cháu đang ở với chị H cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Anh Minh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 2000.000đ (hai triệu đồng). Thời điểm thực hiện là kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị Thanh H về việc chia tài sản chung của chị và Anh Nguyễn Xuân M.

Việc phân chia cụ thể như sau: Chia cho chị H được quyền sở hữu:

- 01 căn nhà mái bằng 2 tầng khép kín diện tích xây dựng 149m².
Tầng 1 gồm: Phòng khách, cầu thang, phòng ngủ, bếp và công trình vệ sinh khép kín. Tầng 2 gồm: 1 gian phòng thờ, 2 gian phòng ngủ và sân phơi. Mái tôn chống nắng toàn bộ tầng hai.
- Hệ thống cổng sắt, sân lát gạch lợp mái tôn

Toàn bộ tài sản trên được xây trên diện tích 201 m² đất tại thửa 635 tờ bản đồ 04. Bản đồ địa chính xã Y giấy chứng nhận cấp ngày 20/10/2010 mang tên Bùi Thị Thanh Hương (đây là tài sản riêng của chị Hương) tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Giá trị toàn bộ căn nhà trên được định giá là 394.074.432 đồng (Ba trăm chín mươi tư triệu không trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

*Chị Bùi Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho Anh Nguyễn Xuân M giá trị tài sản là 197.037.216 đồng (đổi trừ số tiền chi phí thẩm định và định giá anh M chịu toàn bộ là 3000.000 đồng). Như vậy số tiền chị H phải thanh toán cho anh M là 194.037.216 đ (Một trăm chín mươi tư triệu không trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không thi hành hết số tiền thanh toán giá trị tài sản trên thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đổi trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003531 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân M phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

3.3. Về án phí chia tài sản chung:

+Chị Bùi Thị Thanh H phải nộp là 9.851.000 đồng, được đối trừ số tiền 10.000 000 đồngchị H đã nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/20121/00003564 ngày 28/3/3022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn lại cho chị H 149000 đồng.

+ Anh Nguyễn Xuân M phải nộp là 9.702.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội;
- UBND xã Y
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH